

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 20 tháng 8 năm 2022  
V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Chuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2022/TLST-DS ngày 03/6/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991.

ĐKKHKT: Xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn HN, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989.

Cư trú: Thôn DD, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

( Các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q ngày 25/02/2009. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ở cùng nhà bố mẹ đẻ của chị. Vợ chồng chung sống với nhau nhưng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh Q hay ghen và nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác. Thỉnh thoảng anh Q có đánh chị. Gia đình hai bên có khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ khoảng tháng

3/2022 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Q vì xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị TH, sinh ngày 08/12/2009 và Nguyễn QA, sinh ngày 05/12/2015. Con chung hiện đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng một con chung thì chị đồng ý, thì chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu QA vì sức khỏe của cháu không tốt, chị muốn trực tiếp chăm sóc cháu. Còn anh Q nuôi dưỡng cháu TH. Chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm nghề tự do, thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày tại phiên toà: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L ngày 25/02/2009. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị L về làm dâu nhà anh được hai năm do công việc nên vợ chồng gửi các con ở nhà bố mẹ đẻ chị L. Vợ chồng đi lại cả hai nơi. Quá trình chung sống, vợ chồng thỉnh thoảng có cãi chửi nhau, nguyên nhân chị L không quan tâm đến các con, anh nghi ngờ chị L có quan hệ với người đàn ông khác nhưng anh không có chứng cứ gì. Thỉnh thoảng anh có đánh chị L. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý. Ngày 14/8/2022, anh có đến nhà bố mẹ đẻ của chị L, anh có đánh chị L, bố mẹ của chị L có vào can nên anh đã đẩy ông bà ra, anh không đánh ông bà.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị L trình bày là đúng. Các con đang ở cùng ông bà ngoại và chị L. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn, thì anh yêu cầu được nuôi một con chung. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu QA, còn anh nuôi dưỡng cháu TH. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm công nhân, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Qua làm việc với ông Nguyễn Văn Th , sinh năm 1966. Cư trú: Thôn DD, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Ông Th cho biết: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn Q. Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L kết hôn và có đăng ký tại UBND xã TT vào tháng 02/2009. Sau khi cưới, chị L về làm dâu gia đình ông. Đến năm chị L sinh con lớn thì vợ chồng chuyển về ở nhà mẹ đẻ của chị L ở thôn Hương Linh, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đến tháng 3/2022, anh Q và chị L xảy ra mâu thuẫn, anh Q về nhà ở với gia đình ông. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì ông đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nếu không được thì giải quyết theo quy định. Về con chung: Anh Q và chị L có hai con chung. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị L. Vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng thì ông không nắm được.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị TH, sinh ngày 08/12/2009 anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng, giao cn chung là cháu Nguyễn QA, sinh ngày 05/12/2015 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do các bên không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn Q. Anh Q cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q kết hôn ngày 25/02/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của chị L, anh Q xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng có xảy ra xô xát, anh Q có đánh chị L. Vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn anh Q (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị TH, sinh ngày 08/12/2009 và Nguyễn QA, sinh ngày 05/12/2015. Con chung ở cùng chị L từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Vợ chồng ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn QA. Anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng một con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài Thu. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường về tâm lý và tình cảm và theo yêu cầu của các đương sự nên cần giao con chung là cháu Nguyễn QA, sinh ngày 05/12/2015 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Hoài Thu cho anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2, Về con chung: Giao con chung là Nguyễn QA, sinh ngày 05/12/2015 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Thị TH, sinh ngày 08/12/2009 cho anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3, Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008082 ngày 03/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã thi hành xong án phí DSST.

4, Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Chuyên**